

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Pháp luật về công chứng, chứng thực
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Law on notarization and certification
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011348
1.6 Số tín chỉ:	2
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Kiến thức chuyên ngành
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	
- Lý thuyết:	15
- Nghiên cứu tình huống và thảo luận:	0
- Thực hành: + Thực hành tích hợp + Thực hành PM, DN	15
- Tự học:	70
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Luật/Khoa Kinh tế - Luật
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Lý luận chung Nhà nước và pháp luật
- Học phần học trước:	Luật thương mại 1, Luật thương mại 2
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Pháp luật về công chứng, chứng thực là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, gồm 6 chương liên quan đến các vấn đề sau: tổ chức hành nghề công chứng; các quy chuẩn pháp luật về công chứng viên; hoạt động công chứng, chứng thực; quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực; thủ tục chung về công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch và xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện công chứng, chứng thực.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu chung

Học phần giúp người học hiểu và vận dụng được các kiến thức pháp luật về công chứng và chứng thực.

3.2 Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

- Tổng hợp những nội dung liên quan đến pháp luật về hoạt động công chứng, chứng thực;
- Tổng hợp được kiến thức cơ bản kỹ năng hành nghề công chứng, chứng thực và những đặc điểm lưu ý đối với mỗi loại giao dịch cần công chứng, chứng thực.

Về kỹ năng

- Phân tích các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động công chứng, chứng thực;
- Phân tích, đánh giá, nhận định hoạt động công chứng, chứng thực trong một số giao dịch điển hình.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm

- Trách nhiệm đối với việc học tập, làm việc nhóm;
- Tôn trọng pháp luật;
- Nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lý luận, thực tiễn về giải quyết các tình huống liên quan pháp luật về công chứng, chứng thực.
- Vận dụng các kiến thức đã học, tích cực, chủ động tìm hiểu quy định pháp luật mới nhằm phục vụ công tác của mình.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu	Nội dung
CLO1	Trình bày các khái niệm cơ bản trong pháp luật về hoạt động công chứng, chứng thực
CLO2	Phân tích được đặc điểm của hoạt động công chứng, chứng thực
CLO3	Lựa chọn cách áp dụng phù hợp đối với mỗi hoạt động riêng biệt (công chứng, chứng thực)
CLO4	Phân tích và so sánh cơ chế áp dụng đối với từng hoạt động
CLO5	Giải quyết các tình huống bắt buộc phải công chứng, chứng thực
CLO6	Kỹ năng nhận diện hồ sơ công chứng, chứng thực áp dụng đối với một số giao dịch phổ biến
CLO7	Kỹ năng đánh giá hồ sơ công chứng, chứng thực
CLO8	Kỹ năng phân tích, đánh giá các hành vi vi phạm trong lĩnh vực công chứng, chứng thực
CLO9	Tham gia các buổi học đầy đủ, nghiêm túc
CLO10	Trách nhiệm đối với việc học tập, làm việc nhóm
CLO11	Ý thức pháp luật tốt

				và thảo luận	PMP, DN				
Tuần 1: Từ: Đến...	CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG, CHỨNG THỰC <i>1.1 Khái niệm công chứng, chứng thực</i> <i>1.2 Chức năng của hoạt động công chứng, chứng thực</i> <i>1.3 Giá trị pháp lý của văn bản công chứng, chứng thực</i> <i>1.4 Những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động công chứng, chứng thực</i>	4	1	0	0	13	GV: Thuyết giảng SV: nghe giảng, ghi chép những nội dung cần thiết, trao đổi, thảo luận	Đọc Luật công chứng, Nghị định về chứng thực và các văn bản pháp luật liên quan Câu hỏi thảo luận: 1. Phân biệt sự khác nhau giữa công chứng và chứng thực? 2. Lý giải vì sao nhà nước lại đưa ra các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động công chứng, chứng thực như trên?	
Tuần 2: Từ: Đến...	CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGHỀ CÔNG CHỨNG <i>2.1 Tổng quan về nghề công chứng</i> <i>2.2 Các nguyên tắc hành nghề công chứng</i> <i>2.3 Đạo đức nghề nghiệp của công chứng viên</i> <i>2.4 Địa vị pháp lý của các chủ thể liên quan đến hoạt động công chứng</i>	3	2	0	0	14	GV: Thuyết giảng SV: nghe giảng, ghi chép những nội dung cần thiết, trao đổi, thảo luận	Đọc giáo trình [1] và các văn bản liên quan đến hoạt động công chứng Câu hỏi thảo luận: 1. Phân tích vai trò của nghề công chứng trong xã hội hiện nay? 2 Phân tích cơ sở pháp lý/thực tiễn của các quy định đạo đức nghề nghiệp	

	<i>2.5 Xử lý vi phạm trong hoạt động công chứng</i>							của công chứng viên?
Tuần 3: Từ: Đến...	Chương 3: KỸ NĂNG CHUNG VỀ NGHỀ CÔNG CHỨNG <i>3.1 Trình tự thủ tục chung về công chứng hợp đồng, giao dịch</i> <i>2.2 Vai trò của công chứng viên trong việc công chứng hợp đồng, giao dịch</i> <i>2.3 Lỗi kỹ thuật và sửa lỗi kỹ thuật</i>	3	2	0	0	13	Sinh viên chuẩn bị tài liệu, thảo luận và giải quyết tình huống theo hướng dẫn của Giảng viên	Đọc giáo trình chương [2] và các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động công chứng. Câu hỏi thảo luận: Bình luận về vai trò của công chứng viên trong việc công chứng hợp đồng, giao dịch?
Tuần 4: Từ: Đến...	Chương 3: KỸ NĂNG CHUNG VỀ NGHỀ CÔNG CHỨNG (tt) <i>3.4 Kỹ năng nhận dạng chữ viết, chữ ký, con dấu trong tài liệu, giấy tờ</i> <i>3.5 Kỹ năng soạn thảo văn bản công chứng</i> <i>3.6 Kỹ năng quản lý, lưu trữ hồ sơ, văn bản công chứng</i>	2	3	0	0	14	GV: Thuyết giảng SV: nghe giảng, ghi chép những nội dung cần thiết, trao đổi, thảo luận	Đọc giáo trình [2] và các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động công chứng. Xem trước tài liệu GV giao để nhận dạng lỗi trong các tài liệu, giấy tờ
Tuần 5: Từ: Đến...	CHƯƠNG 4: QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CHỨNG THỰC BẢN SAO VÀ	2	3	0	0	13	GV: Thuyết giảng SV: nghe giảng, ghi	Đọc các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động chứng thực

	CHỨNG THỰC CHỮ KÝ 4.1 Chứng thực bản sao từ bản chính 4.2 Chứng thực chữ ký						chép những nội dung cần thiết, trao đổi, thảo luận	Câu hỏi thảo luận: Phân tích vai trò của hoạt động chứng thực bản sao trên thực tế?
Tuần 6: Từ: Đến...	CHƯƠNG 5: CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH 5.1 Trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến hoạt động chứng thực hợp đồng, giao dịch 5.2 Thủ tục chứng thực CHƯƠNG 6: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG CHỨNG, CHỨNG THỰC 6.1 Đối với hoạt động công chứng 6.2 Đối với hoạt động chứng thực	3	2	0	0	13	GV: Thuyết giảng SV: nghe giảng, ghi chép những nội dung cần thiết, trao đổi, thảo luận	Đọc các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động chứng thực Câu hỏi thảo luận: Phân tích vai trò của hoạt động chứng thực hợp đồng, giao dịch trên thực tế?
Tổng		15	15	0	0	70		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Xuân Thu, Phạm Thị Thuý Hồng (2018), *Giáo trình Kỹ năng hành nghề công chứng tập 1*, NXB. Tư pháp

[2] Nguyễn Xuân Thu, Phạm Thị Thuý Hồng (2018), *Giáo trình Kỹ năng hành nghề công chứng tập 2*, NXB. Tư pháp

6.2 Tài liệu tham khảo:

[3] Nguyễn Xuân Thu, Phạm Thị Thuý Hồng (2018), *Giáo trình Kỹ năng hành nghề công chứng tập 3*, NXB. Tư pháp

6.3 Văn bản pháp luật:

[4] Luật công chứng năm 2014.

[5] Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/12/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

[6] Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn, thi hành các văn bản trên

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận/trả lời trên lớp: Đánh giá mức độ chuyên cần tham gia các buổi học trên lớp, tham gia thảo luận, trả lời câu hỏi, phát vấn	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thái độ tích cực của sinh viên đối với môn học. - Đánh năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm cá nhân, tự định hướng hoạt động chuyên môn nghề nghiệp 	CLO9 CLO10	10%
2	Thảo luận nhóm: - GV sẽ đưa ra các tình huống thực tế hoặc giả định, SV tiến hành thảo luận theo nhóm. Mỗi nhóm sẽ cử một đại diện trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, GV hoặc các nhóm khác sẽ đặt câu hỏi hoặc phản biện, nhóm lập luận để bảo vệ quan điểm của mình. - Tranh luận về các vấn đề cho trước	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức của SV để giải thích các vấn đề liên quan đến pháp luật về công chứng, chứng thực. - Đánh giá được khả năng vận dụng được các kiến thức kinh tế vĩ mô nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực này. - Đánh giá được kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, kỹ năng nói trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm của SV. 	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO9 CLO10 CLO11	20%
3	Bài tập thuyết trình: Tùy vào sĩ số lớp, GV sẽ chia thành các nhóm, mỗi nhóm từ 5-7 SV. Mỗi nhóm sẽ được giao một đề tài cụ thể trong phạm vi môn học. Đến chủ đề của nhóm nào,	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tinh thần chủ động, tích cực của sinh viên trong việc tìm kiếm thông tin, kiến thức liên quan đến học phần. - Đánh giá kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ứng 	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8	10%

	nhóm đó sẽ lên trình bày trước lớp bằng file power point. Mỗi nhóm sẽ có 20 phút để thuyết trình và 10 phút tương tác, phản biện trước lớp học. GV sẽ có bảng điểm đánh giá chung của nhóm và đánh giá từng cá nhân tham gia nhóm.	dụng công nghệ và vận dụng các công cụ hỗ trợ để chuyển tải nội dung môn học. - Đánh giá được tri thức của sinh viên thông qua quá trình chuẩn bị, các kỹ năng chuyên môn và tổ chức cá nhân được phối hợp.	CLO9 CLO10 CLO11 CLO12	
4	Kiểm tra tự luận giữa kỳ: Kiểm tra giữa kì 30-45 phút bằng hình thức nhận định, bài tập tình huống nội dung từ chương 1 đến chương 4.	- Đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng các vấn đề pháp lý đã học. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết từng tình huống cụ thể. - Đánh giá khả năng phân tích, tư duy và biện luận. - Đánh giá khả năng tư duy hệ thống, giải quyết các vấn đề thực tế được đưa ra trong bài kiểm tra.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12	60%
TỔNG				100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI TỰ LUẬN: gồm 2 phần nhận định và tình huống - Bài thi 60 phút - Bao gồm 06 câu hỏi nhận định (đúng/sai và giải thích) và bài tập tình huống (có thể có 1 hoặc nhiều câu hỏi nhỏ)	Đánh giá về kiến thức: - Đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng các vấn đề pháp lý. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết từng tình huống, nhận định cụ thể.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	40%
	Đánh giá về kỹ năng: - Đánh giá khả năng phân tích, lập luận để giải quyết tình huống. - Đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp được các kiến thức đã học để giải quyết tình huống (có thể bao hàm các	CLO5 CLO7 CLO8	50%

- Nội dung đề thi là một trong những nội dung đã học, nhằm vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống liên quan đến pháp luật về công chứng, chứng thực	kiến thức của các học phần trước có liên quan) - - Đánh giá khả năng tư duy, phân tích, phân biện để bảo vệ được quan điểm cá nhân.		
	Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: - Đánh giá tính tích cực, chủ động tiếp thu kiến thức và kỹ năng được học; có khả năng vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt trong từng tình huống thực tiễn.	CLO10 CLO11 CLO12	10%
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên vào lớp đúng giờ, tham dự đầy đủ các buổi học, tham dự thảo luận, phân biện nhóm và các hoạt động học tập khác của học phần.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Sinh viên tham gia lớp học với tinh thần nghiêm túc, cầu thị.
- Sinh viên không làm việc riêng trong thời gian lên lớp, chỉ sử dụng các thiết bị phụ vụ cho nội dung học và hoạt động tương ứng trong từng buổi học.

8.3 Quy định về học vụ

- Sinh viên vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần.
- Thành viên nhóm thuyết trình không được vắng, nếu vắng sẽ được làm bài kiểm tra thay thế.
- Sinh viên không tham gia bài kiểm tra giữa kỳ mà không có lý do chính đáng thì bị điểm 0 bài kiểm tra này
- Các bài tập nhóm, cá nhân phải tuân thủ theo mẫu và thời hạn nộp theo quy định của giảng viên.
- Sinh viên không tham dự kỳ thi cuối kỳ xem như không hoàn thành học phần

9. HOLISTIC RUBRIC

9.1. Rubric đánh giá chuyên cần và tham gia thảo luận/trả lời trên lớp

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Số buổi dự học (đủ tiết/buổi) theo thời khóa biểu	CLO9	50%	Tham dự < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.
Sự chủ động, tích cực tham gia thảo luận/trả lời câu hỏi	CLO10	50%	Không tham gia thảo luận/trả lời đúng dưới 50% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% các câu hỏi về nội dung bài học.	Nhiệt tình tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 85% đến 100% các câu hỏi về nội dung bài học.

9.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân, kiểm tra giữa kỳ hoặc kiểm tra cuối kỳ (tự luận)

Tiêu chí	CĐR	Cấu trúc điểm thành phần	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức cơ bản	CLO1 CLO2 (CLO5) (CLO9) CLO10	60%	Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.
Mức nâng cao	CLO3 CLO4 CLO7 CLO8 CLO11 CLO12	40%				

9.3. Rubric đánh giá hoạt động thảo luận nhóm (hoặc thuyết trình)

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Tổ chức và phối hợp tham gia thực	CLO9 CLO10 CLO11	15%	< 40% số lượng thành	Từ 40% đến 60% số lượng thành	Từ 60% đến 80% số lượng thành	Từ 80% đến 100% thành

hiện của các thành viên trong nhóm	CLO12		viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	viên trở lên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm
Hình thức bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO5 CLO6 CLO7	10%	Sơ sài, không đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), font chữ không đồng bộ, nhiều lỗi chính tả.	Các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) chưa rõ, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) rõ ràng, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đẹp, rõ ràng các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), không lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày trước đám đông	CLO5 CLO6 CLO7	15%	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe	Nói nhỏ, có giao lưu với người nghe, nhưng không tự tin.	Trình bày rõ ràng ở mức tốt, có phong cách tự tin khi giao lưu nhưng chưa xuất sắc.	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe.
Tương tác/trả lời câu hỏi	CLO5 CLO6 CLO7	30%	Trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% số câu hỏi được đặt ra.
Nội dung Bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8	30%	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 80% đến 100% yêu cầu về nội dung.

9.4 Bảng Rubric đánh giá kết quả chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ	Mới bắt đầu	Biết sơ sài	Hiểu sơ bộ	Hiểu căn k	Hiểu sâu
		0 - 3.4	3.5 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0-8.4	8.5-10
CLO1	10%	Mới thu nhận được một số ít thông tin mang tính rời rạc	Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một số ít thông tin được thu nhận	Hiểu được các thông tin cơ bản và thiết lập được mối	Hiểu khá đầy đủ các thông tin	Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết. Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng
CLO2	10%					
CLO3	10%					
CLO4	10%					
CLO5	10%					
CLO6	10%					

CLO7	10%			liên hệ sơ lược giữa chúng	cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng	vào các tình huống khác nhau, hoặc sáng tạo ra cái mới
CLO8	10%					
CLO9	5%					
CLO10	5%					
CLO11	5%					
CLO12	5%					
Tổng điểm	100%					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

Hiệu trưởng ✓

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Vank

phuc

Thi Dong Ha

Tô Thị Đông Hà

TS. Nguyễn Văn Hùng

Đỗ Ngọc Phúc